

Số: **24** /2022/NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày **09** tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước 2015;

Căn cứ Thông tư số 83/2021/TT-BTC ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí tập huấn, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số 225/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Báo cáo thẩm tra số 50/BC-VHXH ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định nội dung chi, mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

b) Quy định này không điều chỉnh đối với việc tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục về sách giáo khoa do các nhà xuất bản thực hiện.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ quan quản lý Nhà nước về giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Hải Phòng gồm: Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo các quận, huyện.

b) Các cơ sở giáo dục, giáo viên và cán bộ quản lý của các cơ sở giáo dục.

c) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nội dung và mức chi

Quy định nội dung và mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng (*Chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này*).

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước (ngân sách chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

a) Kinh phí thực hiện tập huấn, bồi dưỡng giáo viên do cấp thành phố tổ chức: sử dụng nguồn chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo cấp thành phố để thực hiện.

b) Kinh phí thực hiện tập huấn, bồi dưỡng giáo viên do cấp huyện tổ chức: sử dụng nguồn chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo cấp huyện để thực hiện.

c) Kinh phí thực hiện tập huấn, bồi dưỡng giáo viên do cấp trường tổ chức: sử dụng nguồn kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (giao tự chủ) của đơn vị để thực hiện.

2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn huy động hợp pháp, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý kinh phí

1. Các cơ quan, tổ chức cá nhân có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả, công khai, minh bạch, đúng chế độ.

2. Việc lập dự toán, thanh quyết toán kinh phí tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách và các văn bản luật có liên quan.

3. Những nội dung khác liên quan đến việc quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục quy định tại Thông tư số 83/2021/TT-BTC ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính nhưng không đề cập trong Nghị quyết này thì được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết bảo đảm đúng quy định pháp luật; thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về tình hình thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Khi các văn bản quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản sửa đổi bổ sung.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 9 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ QH; Chính phủ;
- VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: GD và ĐT, TC;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ pháp chế (Bộ GD và ĐT, TC);
- TTTU, TT HĐND TP; UBND TP;
- Đoàn ĐBQH TP Hải Phòng;
- UBMTTQVN thành phố;
- Các Ban HĐND TP;
- Các đại biểu HĐND thành phố khóa XVI;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐNDTP, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- TTQU, TTHU các quận, huyện;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện;
- Công báo TP; Công TTĐT TP (đề đăng);
- Báo HP, Đài PTTHHP;
- Các CV VP Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Lưu: VT, HSKH.



Phạm Văn Lập

PHỤ LỤC

Quy định nội dung chi, mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Nghị quyết số. 24/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
1	Chi tạo lập mới hoặc thuê hệ thống quản lý học tập trực tuyến.		Thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan về mua sắm, đấu thầu, chứng từ, hóa đơn, các quy định về chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin để tổ chức thực hiện.
2	Chi điều tra, khảo sát xây dựng kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng		
2.1	Chi xây dựng phương án điều tra thống kê và lập mẫu phiếu điều tra thống kê		
a	Cơ quan điều tra, khảo sát cấp thành phố	đồng/đợt	10.000.000
b	Cơ quan điều tra, khảo sát cấp quận, huyện	đồng/đợt	7.000.000
2.2	Chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra thống kê		
a	Cơ quan tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra thống kê cấp thành phố	đồng/đợt	7.000.000
b	Cơ quan tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra thống kê cấp quận, huyện	đồng/đợt	5.000.000
2.3	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin		
a	Đối với cá nhân		

	<i>Dưới 30 chỉ tiêu hoặc 30 chỉ tiêu</i>	đồng/phiếu	20.000
	<i>Trên 30 chỉ tiêu hoặc 40 chỉ tiêu</i>	đồng/phiếu	25.000
	<i>Trên 40 chỉ tiêu</i>	đồng/phiếu	30.000
b	Đối với tổ chức (<i>Không bao gồm các cơ quan, đơn vị của nhà nước thực hiện cung cấp thông tin theo quy định</i>)		
	<i>Dưới 30 chỉ tiêu hoặc 30 chỉ tiêu</i>	đồng/phiếu	40.000
	<i>Trên 30 chỉ tiêu hoặc 40 chỉ tiêu</i>	đồng/phiếu	50.000
	<i>Trên 40 chỉ tiêu</i>	đồng/phiếu	60.000
c	Đối với các cơ quan, đơn vị của nhà nước thực hiện cung cấp thông tin theo quy định: <i>Bằng 50% mức chi quy định đối với tổ chức</i>		
3	Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị có liên quan	Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị có liên quan; chi đi công tác kiểm tra, giám sát, đảm bảo chất lượng, đánh giá kết quả tập huấn, bồi dưỡng; chi thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên; chi nước uống phục vụ lớp học: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn thành phố Hải Phòng và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.	
4	Chi biên soạn, thẩm định chương trình, giáo trình, tài liệu tập huấn, bồi dưỡng mới (<i>viết tắt là chi biên soạn mới</i>); chi chỉnh sửa, bổ sung cập nhật chương trình, giáo trình, tài liệu tập huấn, bồi dưỡng (<i>viết tắt là chi chỉnh sửa, bổ sung</i>)		

a	Bảng hệ số tiền công ngày cho các chức danh Ban/Tổ biên soạn $T_c = L_{cs} \times H_{stcn} \times S_{nc}$	<i>Trong đó:</i> <i>Tc:</i> dự toán tiền công của chức danh <i>Lcs:</i> lương cơ sở do Nhà nước quy định <i>Hstcn:</i> hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh tính <i>Snc:</i> số ngày công của từng chức danh	
	<i>Trưởng ban/Tổ trưởng</i>	<i>hệ số/ngày</i>	0.40
	<i>Thành viên thực hiện chính, thư ký</i>	<i>hệ số/ngày</i>	0.25
	<i>Thành viên</i>	<i>hệ số/ngày</i>	0.13
	<i>Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ</i>	<i>hệ số/ngày</i>	0.08
b	Thẩm định chương trình, giáo trình, tài liệu tập huấn, bồi dưỡng mới, chỉnh sửa, bổ sung		
	<i>Chủ tịch Hội đồng/Tổ trưởng tổ thẩm định</i>	<i>đồng/ngày/nhiệm vụ</i>	460.000
	<i>Thành viên tổ thẩm định:</i>	<i>đồng/ngày/nhiệm vụ</i>	400.000
	<i>Thư ký tổ thẩm định:</i>	<i>đồng/ngày/nhiệm vụ</i>	370.000
5	Chi số hóa tài liệu phục vụ tập huấn, bồi dưỡng trực tuyến:		
5.1	Tiền công xây dựng kịch bản dạy học (chuỗi các hoạt động dạy học) của bài học; xây dựng nội dung chi tiết của bài học (từng hoạt động) theo kịch bản dạy học (Sản phẩm bao gồm nội dung các hoạt động dạng text và các chỉ dẫn/cài đặt để sử dụng các tư liệu trong từng hoạt động, chưa bao gồm các tài liệu đa phương tiện (multimedia) như hình ảnh, âm thanh, phương tiện điện tử ghi, sao chép (video), đồ họa (infographics)...); chuyên gia/giáo viên ghi hình (nghiên cứu kịch bản và nội dung tiết học; phối hợp với kỹ thuật viên video để chuẩn bị; phối hợp ghi hình); xây dựng bản yêu cầu/hướng dẫn biên tập video (hậu kỳ, thời lượng video tối đa 90 phút); thống kê và xử lý cơ bản dữ liệu kết quả của khóa tập huấn, bồi dưỡng (danh sách điểm, phân nhóm đối tượng, phổ điểm, tỷ lệ-tối thiểu cho 250 học viên)		
	Mức tiền công chi trả theo tháng (<i>áp dụng đối với thành viên tham gia thực hiện công việc đủ thời gian theo tháng</i>)		

Đối với người có bằng Đại học đúng chuyên ngành và có 15 năm kinh nghiệm trở lên hoặc có bằng thạc sĩ trở lên đúng chuyên ngành và có từ 8 năm kinh nghiệm trở lên	đồng/người/tháng	20.000.000
Đối với người có bằng Đại học đúng chuyên ngành và có từ 10 đến dưới 15 năm kinh nghiệm hoặc có bằng thạc sĩ trở lên đúng chuyên ngành và có từ có từ 5 đến dưới 8 năm kinh nghiệm	đồng/người/tháng	15.000.000
Đối với người có bằng Đại học đúng chuyên ngành và có từ 5 đến dưới 10 năm kinh nghiệm hoặc có bằng thạc sĩ trở lên đúng chuyên ngành và có từ có từ 3 đến dưới 5 năm kinh nghiệm	đồng/người/tháng	10.000.000
Đối với người có bằng Đại học đúng chuyên ngành và có dưới 5 năm kinh nghiệm hoặc có bằng thạc sĩ trở lên đúng chuyên ngành và có từ có dưới 3 năm kinh nghiệm	đồng/người/tháng	7.500.000
Mức tiền công chi trả theo tuần, ngày, giờ (xác định trên cơ sở mức tiền công chi trả theo tháng nêu trên) thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.		

5.2	Chi phí quay video bài giảng (thời lượng tối đa của video không quá 90 phút; giá bao gồm công kỹ thuật viên và thiết bị; chi biên tập video (cắt/ghép video; chuyển đổi định dạng, độ phân giải): Áp dụng mức tiền công khi xây dựng phim tài liệu - sản xuất	Áp dụng 50% mức tiền công khi xây dựng phim tài liệu - sản xuất được quy định tại Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình.	
5.3	Chi nhập liệu nội dung dạng văn bản (bao gồm chèn ảnh có sẵn); Chi số hóa câu hỏi vào hệ thống học tập trực tuyến gắn với hoạt động học (dữ liệu có cấu trúc; yêu cầu bản ghi (file) câu hỏi, trong đó nêu rõ đáp án); Chi số hóa nội dung văn bản vào hệ thống quản lý học tập; Chi phí gia công bài giảng điện tử tương tác	Áp dụng 50% mức chi quy định tại Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.	
6	Chi tiền công giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên Số lượng các thành viên tham gia hướng dẫn, giảng dạy trong 01 buổi học (tối đa 04 tiết học/buổi) do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Tổng mức chi tiền công tối đa: 2.000.000 đồng/buổi được tính cho tất cả các thành viên trực tiếp tham gia hướng dẫn, giảng dạy trong 1 buổi tập huấn, bồi dưỡng.		
6.1	Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Trung ương Đảng; Bộ trưởng, Bí thư Thành ủy và các chức danh tương đương	đồng/người/buổi	2.000.000
6.2	Giảng viên, báo cáo viên là Thứ trưởng; Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; Phó Bí thư Thành ủy và các chức danh tương đương; giáo sư; chuyên gia cao cấp; tiến sỹ khoa học	đồng/người/buổi	1.800.000

6.3	Giảng viên, báo cáo viên là Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Vụ trưởng và Phó Vụ trưởng thuộc Bộ, Viện trưởng và Phó Viện trưởng thuộc Bộ, Cục trưởng, Phó Cục trưởng và các chức danh tương đương; phó giáo sư; tiến sỹ; giảng viên chính	đồng/người/buổi	1.600.000
6.4	Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị ở Trung ương và cấp thành phố (ngoài các trường hợp quy định tại tiết 6.1, 6.2, 6.3 điểm này)	đồng/người/buổi	1.000.000
6.5	Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị từ cấp huyện và tương đương trở xuống	đồng/người/buổi	500.000
6.6	Trợ giảng (nếu có)	Mức chi bằng 50% mức chi cho giảng viên, báo cáo viên được trợ giảng	
7	Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên	Mức chi áp dụng tại Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn thành phố Hải Phòng	
8	Chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên	Mức chi áp dụng tại Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn thành phố Hải Phòng	
9	Chi thuê biên dịch, phiên dịch (nếu có)	Thực hiện mức chi dịch thuật theo Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.	

10	Chi ra đề thi, coi thi, chấm thi	Thực hiện theo quy định về nội dung chi, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn thành phố Hải Phòng
11	Chi các khoản chi phí theo thực tế phục vụ trực tiếp lớp học	
11.1	<i>Chi tiền: mua giáo trình; tài liệu học tập; in tài liệu, phiếu điều tra thống kê... bắt buộc cho học viên và các khoản chi phí bắt buộc phải trả cho các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng</i>	Tiền mua giáo trình, tài liệu học tập in tài liệu, phiếu điều tra thống kê bắt buộc cho học viên và các khoản chi phí bắt buộc phải trả cho các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng: thanh toán theo hóa đơn, chứng từ theo quy định.
11.2	<i>Thuê hội trường, lớp học, thiết bị phục vụ lớp học; in và cấp chứng chỉ; khai giảng, bế giảng...</i>	Các khoản chi phí theo thực tế mức chi căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.
12	Chi phí tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế	Chi trả tiền phương tiện đưa, đón học viên đi khảo sát, thực tế: chi phí theo thực tế, chứng từ, hóa đơn theo quy định trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.